

Số: 527 /TB-SXD

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Tháng 9 năm 2026)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quyết định công bố Hướng dẫn xác định khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 1231/2026/CV-ĐTMN ngày 06/10/2026 của Liên danh MCUS-ETA về việc phát hành báo cáo kết quả khảo sát, tổng hợp thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 9 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Trên cơ sở văn bản đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng gửi về Sở Xây dựng và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 9 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với nội dung như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng được công bố là mức giá bán (*chưa có thuế VAT*) được xác định trên cơ sở văn bản đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng của các đơn vị và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng thực tế của đơn vị tư vấn tại các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; **mức giá bán** đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện bên mua tại nơi sản xuất hoặc nơi giao hàng **nhưng chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình** và chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh (*chi tiết theo Phụ lục gửi kèm*).

2. Giá vật liệu xây dựng được công bố để tham khảo xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chủ đầu tư, tổ chức tư vấn, các đơn vị khi xác định giá xây dựng công trình phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công và kế hoạch thực hiện cụ thể của công trình; có trách nhiệm lựa chọn giá vật liệu xây dựng trong xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo quy định, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với những sản phẩm hoặc công việc do mình thực hiện.

3. Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng có trong bảng công bố giá vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng vật liệu xây dựng và thông tin cung cấp.

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh để các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng tham khảo áp dụng./.

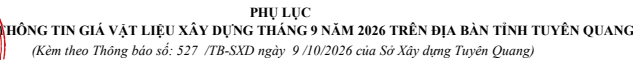
Nơi nhận

- Bộ Xây dựng | (Báo cáo);
- UBND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Ban quản lý chuyên ngành, khu vực;
- UBND các xã, phường;
- Website Sở Xây dựng;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KTXD.(Long)

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Sơn



stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận...	Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quàn Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên,	Xã Thanh Thủy	Khu vực xã Bắc Quang	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xin Mần						
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]						
1	NHÓM THÉP XÂY DỰNG																																					
1	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn tròn tron (Ø6-Ø8)mm CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.170							15.470																				
2	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn vằn (Ø8)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.170							15.470																				
3	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø9-Ø10)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.620							15.920																				
4	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.420							15.720																				
5	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø25)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.420							15.720																				
6	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø10)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.920							16.220																				
7	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.720							16.020																				
8	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø32)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.720							16.020																				
9	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn Ø10mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.020							16.320																				
10	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.820							16.120																				
11-082018	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø32)mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.820							16.120																				
12	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn tròn tron (Ø6-Ø8)mm CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	14.850																											
13	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn vằn (Ø8)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	14.850																											
14	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø10)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam																															

[illegible]

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận...	Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thành...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thương Nông...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quán Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đông Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên,	Xã Thanh Thủy	Khu vực xã Bắc Quang	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xin Mần						
93	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																						281.818						
94	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																						254.545						
95	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																						245.455						
96	Nhóm đá xây dựng	Đá mặt (Bột đá)	m3			HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																						236.364						
97	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						327.273						
98	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						354.545						
99	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						354.545						
100	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						354.545						
101	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						345.455						
102	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						327.273						
103	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						318.182						
104	Nhóm đá xây dựng	Đá mặt (Bột đá)	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						263.636						
105	Nhóm đá xây dựng	Đá thái	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						263.636						
106	Nhóm đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																						218.182						

[illegible]

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																											
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận...	Khu vực các xã: Yên Sơn...	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thành...	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn...	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thung Nùng...	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quán Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đông Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên,	Xã Thanh Thủy	Khu vực xã Bắc Quang	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vinh Tuy	Khu vực Xã Quang Bình	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xin Mần						
73	Cửa Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 55	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa sổ 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 55, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 1.4mm ±5% (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn 6.38mm trắng, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Khóa số.	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000	3.297.000					
74	Cửa Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở lùa Xingfa hệ 55	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa sổ 4 cánh mở lùa Xingfa hệ 55, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 1.4mm ±5% (Kích thước: 1200x1600mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Khóa số.	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250	3.176.250					
75	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay Xingfa hệ 55	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 1 cánh mở quay Xingfa hệ 55, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 2mm ±5% (Kích thước: 800x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bản lề 4D, Khóa đơn điểm	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000	4.270.000					
76	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay Xingfa hệ 55	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 2 cánh mở quay Xingfa hệ 55, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 2mm ±5% (Kích thước: 1600x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bản lề 4D, Khóa đơn điểm	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000	3.899.000					
77	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 93	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 93, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 1.4mm ±5% (Kích thước: 1600x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bánh xe dôi, Tay nắm âm.	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750	2.675.750					
78	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 93	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 93, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 2mm ±5% (Kích thước: 1600x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bánh xe dôi, Tay nắm âm.	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000	3.059.000					
79	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 93	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 2 cánh mở lùa Xingfa hệ 93, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 2mm ±5% (Kích thước: 1600x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bánh xe dôi, Tay nắm âm.	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000					
80	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay Vasco hệ 56	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 1 cánh mở quay Vasco hệ 56, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 2mm ±5% (Kích thước: 800x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bản lề 4D, Khóa đơn điểm	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315	3.138.315					
81	Cửa Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay Vasco hệ 56	m2	TCVN 9366-2:2012	Cửa đi 2 cánh mở quay Vasco hệ 56, nhôm thương hiệu Vasco sản xuất tại Việt Nam (hoặc tương đương), Độ dày nhôm 2mm ±5% (Kích thước: 1600x2200mm), Kính trắng, dán an toàn 6.38mm, Gioăng Đồng Á. Phụ kiện đồng bộ: Bản lề 4D, Khóa đơn điểm	Công ty cổ phần nhôm kính HCC	Việt Nam	Thỏa thuận	Vận chuyển lắp đặt tại công trình		2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815	2.854.815					

